

Vườn thiền

.

Cách đây hai tuần có một bạn hỏi Vườn thiền câu hỏi như sau

Thưa Thầy,

Dạ con kính mong Thầy hoan hỷ giúp con "Làm cách nào để chuyển hoá cơ chế hoạt động của tâm tưởng?" và sự hình thành những giấc mơ?

Bạn thương mến!

Con người chúng ta được hình thành từ 5 thành phần, thuật ngữ phật giáo gọi là ngũ uẩn hoặc ngũ ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Cũng từ năm uẩn này chúng ta có thể chuyển hóa từ phàm phu thành thánh nhân. Trong bài tụng Bát Nhã tâm kinh có câu : “Khi Bồ Tát Quán Tự Tại thực hành sâu sắc Tuệ giác Bát Nhã ngài soi thấy năm uẩn đều không liên vượt qua mọi khổ đau ách nạn.” Chìa khóa thực tập nằm ở đây, do đó ta cần biết 5 uẩn là gì và sự vận hành của chúng để hiểu rõ cơ chế hoạt động của thân và tâm từ đó mà có các phương pháp chuyển hóa, vườn thiền mời các bạn đi sâu vào 5 uẩn được giảng giải theo Abhidhamma (Vi diệu pháp), một bộ luận nổi tiếng được các học giả hành giả trên thế giới nghiên cứu học hỏi, thực hành theo.

1. Rūpa (sắc).

1.1- Sắc như thực sắc (sắc chân thực, paramattha)

Hiểu sắc là yếu tố thuần vật chất, là sắc thân tứ đại này, thì sắc thân ấy là tổng hợp của những đặc tính luôn luôn biến động, thay đổi. Cái thân sắc của mỗi chúng sanh từ lúc sinh ra đến lúc già yếu, tử vong nó thay đổi, biến động từng giây khắc một. Rồi những tế bào cơ thể, máu huyết... nó sinh diệt trùng trùng; nhờ vậy tế bào mới thay thế tế bào cũ, máu mới thay thế máu cũ. Cái đứng yên, cái không thay đổi

không bao giờ tìm thấy.

Cô đọng về sắc này, ta có:

- 5 sắc thuộc thân, ngũ căn: Nhãn căn (mắt), nhĩ căn (tai), tỷ căn (mũi), thiệt căn (lưỡi), thân căn (thân).

Mỗi căn như vậy đều có phần sắc thô tháo bên ngoài và phần sắc vi tế ở bên trong, tức là phần thần kinh nhạy bén, nó có chức năng mang thông tin truyền báo lên trung khu thần kinh, tức não bộ.

- 7 sắc đối tượng: Đây là những sắc làm đối tượng cho ngũ căn mắt, tai, mũi, lưỡi và thân.

- Mắt thấy mọi vật (mọi sắc tướng, mọi cảnh quan, vũ trụ vạn hữu - sắc đối tượng).

- Tai nghe mọi âm thanh (âm thanh cũng là vật chất nên gọi là sắc đối tượng).

- Mũi ngửi hương (hương cũng là vật chất - sắc đối tượng).

- Lưỡi nếm vị (vị cũng là vật chất - sắc đối tượng).

- Thân xúc chạm đất, lửa, gió - sắc đối tượng).

Thân chỉ xúc chạm, sờ đụng được cái gì thô ráp, cứng (đất), cái gì nóng, lạnh (lửa), cái gì rung động, chuyển động (gió). Còn nước có tính chất làm cho liên kết, dính liền thì thân không xúc chạm được.

Do vậy, thân xúc có ba đối tượng: đất, lửa, gió - thuộc thô sắc. Còn nước thuộc tế sắc. Như vậy ngũ căn có bảy sắc đối tượng: sắc, thanh, hương, vị, đất, lửa, gió.

Khảo sát 12 sắc ấy thì sắc nào cũng thay đổi, dịch biến, vô thường, vô tự tính, không, vô ngã. Dù đức Phật, chư vị thánh nhân hay phàm phu đều có 12 sắc ấy, giống nhau, không sai, không khác. Cho nên đấy là sắc như thực sắc, sắc chư chưa tập khởi, sắc của thế giới chưa bị khái niệm, những nhận thức, lý trí hay tình cảm chủ quan của con người xen vào.

1.2- Sắc uẩn:

Trong 12 sắc ấy thì chúng luôn là sắc như thực, nhưng nếu 5 sắc căn bị chấp thủ là “ta”; và 7 sắc đối tượng bị chấp thủ là “của ta” thì đã biến chúng thành “sắc thủ uẩn” rồi! Một số ví dụ cụ thể:

- Khi mắt ta nhìn một thiếu nữ, ta không bao giờ nhìn cô gái đó như là chính thực cô ta (sắc như thực), mà luôn phủ lên cô gái ấy không biết bao nhiêu là khái niệm: cô này người miền Bắc, Trung, Nam, cô đẹp, dễ thương, không dễ thương,... Chính những khái niệm Bắc, Trung, Nam dễ thương, không dễ thương ... đã phủ chụp, đã chồng chất lên cô gái thực nên gọi là sắc tập khởi. Cái phủ chụp, chồng chất ấy chính là uẩn, tạo thành sắc uẩn. Rồi từ đó mới sinh ra :

“ Người ơi gặp gỡ làm chi,
trăm năm biết có duyên gì hay không?”

- Khi tai nghe âm thanh, ta không bao giờ nghe âm thanh chỉ là âm thanh (sắc như thực – âm thanh là vật chất, là sắc) mà luôn chồng lên những khái niệm cái âm thanh ấy, nào cao, nào thấp, nào trầm, nào bổng, nào réo rắt, nào thê lương... Chính những khái niệm chủ quan, do tình cảm hay lý trí này sinh ra... đã bóp méo cái âm thanh thực nên được gọi là sắc tập khởi, Xuân Diệu mới có những câu thơ:
Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chặm!

Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân.

- Mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm... đều tương tự như trên; nghĩa là nếu ta không được thấy rõ như thực mà để cho tình cảm, lý trí của mình xen vào thì đều bị biến thành sắc uẩn – nói theo thuật ngữ Duy Thức là do “biến kế sở chấp” mà thành uẩn.

1.3- Sắc uẩn có thể đoạn tận:

- Sắc uẩn ấy nó không có trong thế giới tự nhiên, mà chỉ có trong tình cảm và lý trí chủ quan của người mê, khởi sanh chấp trước mà thôi.

Ví dụ. Hôm qua một người bạn làm tôi tức giận, Sáng nay, người ấy muốn đến gặp tôi để xin lỗi. Nhưng vừa nhìn thấy người bạn đó thì hình ảnh, sự việc ngày hôm qua hiện ra – Tự nhiên cơn giận quay trở lại. Ô, hóa ra, là mình đang sống với con người của ngày hôm qua, của quá khứ. Vậy thì rõ ràng mình giận ghét cái không thật có, vì hôm qua đã qua rồi, còn hôm nay, người bạn đó đang mới mẻ hiện tiền thì mình không thấy. Ta bị quá khứ vây hãm, đánh mất mình trong quá khứ. Nếu chánh niệm trở lại ta sẽ mỉm cười với sự si mê của mình, và sống với “thực tại đang là” thì uẩn kia liền chấm dứt, chấm dứt luôn cả giận tức.

2. Vedanā (thọ)

Thọ là nhận lãnh, là thu nạp, là cảm giác.

-Thọ có 3 loại là thọ khổ, thọ lạc, thọ xả.

2.1- Cảm giác thực:

2.1.1- Khổ thọ (dukkhavedanā).

Là những cảm giác thực xảy ra nơi thân, được gọi là thọ bình thường, thuần túy; nghĩa là cảm giác thực khi chịu sự tác động từ thế giới bên ngoài: sắc thanh hương vị xúc hay các định luật của vạn hữu. Ta có thể quan sát:

- Khi nhìn ánh nắng chói chang thì cảm thấy nhức mắt; khi nghe âm thanh quá lớn thì lòng bùng nổ tai; khi trời rét quá thì da nghe buốt lạnh... Bậc giải thoát không phải là diệt cái khổ thọ bình thường, thuần túy này. Đây chính là cảm giác thực. Những cảm thọ như đau, nhức, ngứa, nóng, khó chịu, bức bối, điếc tai, tê, lạnh... đều là cảm thọ bình thường, thuần túy, chưa qua sự chế biến của sở thích, thói quen hoặc tình cảm chủ quan của ta (paramattha chưa bị chế biến bởi paññatti) nên nó chỉ là thọ khổ như thực, chưa biến thành thọ khổ uẩn.

2.1.2. Lạc thọ (sukhavedanā).

Những cảm giác dễ chịu, vừa lòng, thích thú, khoan khoái đều được gọi là lạc thọ, đều là những cảm giác thực, bình thường, thuần túy. Ta hãy quan sát.

- Ăn một món ăn hợp khẩu vị, cảm thấy ngon. Ngửi mùi thơm của trầm cảm thấy dễ chịu... Phàm phu hay thánh nhân đều có chung một lạc thọ giống nhau như thế. Tuy nhiên, là phàm phu, là chúng sanh thường không sống được với cảm thọ như thực ấy mà biến chúng thành một loại đau khổ khác.

2.1.3- Xả thọ (upekkhāvedanā).

Xả thọ là lúc không có khổ thọ và lạc thọ; nó cũng là một cảm giác không buồn không vui, không đau nhức, khó chịu, hoặc thích thú dễ chịu, nó rất bình thường. Trong đời sống hằng ngày, chúng ta đều trải nghiệm trạng thái xả thọ này. Tuy nhiên, lúc có xả thọ, ta không nhận diện được và không tận hưởng được cảm giác an bình này, tâm ta sẽ cảm thấy buồn chán, trống không, vô vị, ta muốn đi tìm cảm giác khác, chạy theo các đối tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc khác; và lại rơi vào vòng luân hồi khổ, lạc không dứt. Vậy, cả ba cảm thọ khổ, lạc, xả trên, nếu chưa bị tình cảm hoặc lý trí chủ quan của chúng ta xen vào thì nó chưa biến thành uẩn.

2.2- Thọ uẩn có thể đoạn tận:

Quan sát tất cả các thọ khổ, lạc, xả, hỷ, ưu ở trên, ta thấy chúng đều có những cảm thọ bình thường, thuần túy – nhưng khi chúng có sự tham dự của bản ngã, ví như tôi đau, tôi nhức, tôi vui, tôi buồn... thì tất cả chúng đều biến thành thọ thủ uẩn. Dùng tuệ minh sát nhìn ngắm thì chúng vốn là không, không thực có, chỉ do tâm ta tự biến chế tạo ra mà thôi.

Khi ta thương một người thì vẻ mặt hay tiếng nói, cười cả sự đi,

đứng... gì của người ấy cũng dịu dàng, thân thương cả. Trái lại, đấy là người mà ta ghét thì vẻ mặt hay tiếng nói, cười, đi, đứng... gì của người ấy cũng khiến ta khó chịu, bực bội cả. Như vậy, chính tình cảm chủ quan của ta, đã biến cảm thọ như thực thành dịu dàng, thân thương (lạc) hay khó chịu, bực bội (khổ).

Vậy, cái mà ta tự chống lên cảm thọ thực ấy để biến chúng thành lạc hay khổ chính là uẩn, là thọ uẩn nên mới có câu ca dao: “Khi thương trái ấu cũng tròn, khi ghét trái bồ hòn cũng méo”; hoặc cụ Nguyễn Du nói: “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ” – giúp ta thấy rõ cái uẩn ấy, nó bao trùm lên thực tại khách quan như thế nào!

3. Tưởng (saññā)

Saññā được hiểu là tri giác, tức là nhận biết tổng quát hình tướng, hình ảnh, âm thanh, mùi vị... (ngũ trần - sắc đối tượng) và xác định được nó là cái gì (nhận thức ban đầu). Ví dụ:

- Khi bước vào một vườn hoa, nhìn thoáng qua là đã biết đây là hoa mai, hoa đào; hoa hồng, hoa huệ...
- Một mùi thơm bay qua, thoáng ta đã nhận ra đây là mùi cà phê, mùi bánh nướng, mùi rượu vang...
- Nghe một dàn nhạc giao hưởng, ta nhận ra đây là âm thanh đàn violon, đàn piano, sáo, kèn, trống...

Tuy nhiên, không phải lúc nào tri giác ấy cũng đúng; chúng có thể bị ký ức, hồi tưởng, tưởng tượng của chúng ta xen vào làm cho tri giác ấy sai lệch đi.

3.1-Tưởng như thực tức là tri giác chân thật hay còn gọi là hiện tưởng
Nếu saññā có chánh niệm tỉnh giác hoặc có như lý tác ý (yoniso-manasikāra) thì tri giác ấy là đúng, là hiện tưởng, tức là tưởng đúng đối tượng như-nó-đang-là, đang xảy ra, đang vận hành, đang diễn tiến. Ví dụ: Khi nghe tiếng chim, ta lắng nghe trọn vẹn tiếng chim ấy

đừng để cho bất cứ "tưởng" gì xen vào cả. Đây được gọi là hiện tượng được dẫn dắt bởi như lý tác ý.

3.2- Tưởng uẩn (khandhasaññā)

Nếu saññā bị phi như lý tác ý chi phối (ayoniso-manasikāra) thì tri giác này bị biến đổi và trở nên sai lầm. Những ký ức, hồi tưởng xen vào, để cho hình ảnh, âm thanh, mùi vị... quá khứ chồng lên hình ảnh, âm thanh, mùi vị... hiện tại làm cho "tri giác đang là" bị biến đổi.

Trong kinh thường ví dụ:

- Thấy sợi dây tưởng là con rắn rồi sợ hãi con rắn do mình tưởng tượng ra (tưởng uẩn - hành uẩn - thức uẩn).
- Thấy bóng cây lay động tưởng là con ma, sợ hãi bỏ chạy (tưởng uẩn - hành uẩn - thức uẩn).
- Khi thấy ác mộng hoặc mộng lành, lúc đó ta đều nghĩ mọi chuyện xảy ra là thật, nó làm ta vui, hoặc sợ hãi nhưng đó chỉ là tưởng uẩn, do ban ngày hoặc những kinh nghiệm quá khứ chồng chất trong tâm thức lúc ngủ khi vô thức làm việc nó tạo thành những giấc mơ, nói theo duy thức thì tàng thức và một phần ý thức vẫn làm việc kết hợp tạo ra hình ảnh trong mơ gọi là độc ảnh cảnh, hình ảnh gọi lại từ kinh nghiệm quá khứ tích trữ, nó là tưởng uẩn, là không thực, khi giật mình tỉnh dậy những hình ảnh đó biến mất, ta có thể nhớ câu chuyện trong mơ nhưng đó chỉ là những ảo ảnh không đáng tin cậy.

Như vậy chỉ có hiện tượng là đúng, là thực khi có chánh niệm tỉnh giác. Còn các tưởng (saññā) khác đều sai lầm, đều do tâm ta chế biến, sinh khởi ra; các tưởng bị biến dạng ấy mới gọi là tưởng uẩn.

3.3- Tưởng uẩn có thể đoạn tận:

Quan sát những lớp bao phut (uẩn), những thứ ngăn che (ã) ở trên, ta thấy con rắn, bóng ma, ác mộng... chúng đều không thực có trong thế giới tự-nhiên-đang-là. Chúng vốn là không, không có, nhưng

chính uẩn đã biến chúng thành có... để sinh ra vui, buồn, khổ, lạc!

4. Hành (saṅkhāra)

Có ba nghĩa chính:

- Saṅkhāra (hành) được hiểu là tạo tác các nghiệp thiện, nghiệp bất thiện và nghiệp bất động làm nên thức tái sinh vào bốn con đường ác, người bất hạnh, người có phước, trời Dục giới, trời Sắc giới và trời Vô sắc giới. Saṅkhāra này được dùng trong thập nhị duyên khởi: Vô minh - Hành - Thức...

- Saṅkhāra được dịch là hữu vi, hàm chỉ các pháp được kết hợp, được cấu tạo, được làm nên. Saṅkhāra này cũng có nhiều dạng: Một, thế giới vật chất từ hạt cát đến sơn hà nhật nguyệt, sum la vạn tượng... được kết hợp bởi các yếu tố, đơn vị vật chất đều được gọi là hữu vi.

Hai, thế giới tinh thần được kết hợp bởi các yếu tố tâm lý, các trạng thái tâm lý cũng được gọi là hữu vi.

Cả hai loại hữu vi trên đều bị chi phối bởi những định luật tự nhiên của vũ trụ nên những hữu vi ấy đều vô thường, vô ngã (không có khổ). Có một loại hữu vi thứ ba nữa, là loại hữu vi do mình tạo ra; loại hữu vi do tâm lý, tình cảm, sở thích, quan niệm chủ quan của mình tự tạo, hữu vi ấy mới đưa đến khổ (dukkha). Hữu vi này thường được dịch là hành, hành uẩn; và chính saṅkhāra này mới vô thường, mới khổ. Nó biến đổi từ thương ra ghét, từ ghét ra hận rồi tạo ra các nghiệp.

Sabbe saṅkhāra aniccāti (tất cả hành là vô thường).

Sabbe saṅkhārādukkhāti (tất cả hành là khổ).

Còn: Sabbe dhammānattāti (tất cả pháp đều vô ngã).

Pháp hữu vi, pháp vô vi đều vô ngã. Pháp vô vi không phải là pháp cấu tạo, kết hợp; cũng không phải là pháp do mình sinh ra, chế biến

ra - nên pháp vô vi là vô ngã nhưng không vô thường và không khổ.
Ví dụ Niết-bàn là pháp vô vi.

4.1. Saṅkhāra là hành. Hành này là gọi chung cả 50 tâm sở, là hành trong ngũ uẩn.

Hành này là gọi chung 50 trạng thái tâm lý do “tư” (tư duy) điều động, dẫn dắt.

- Nếu tâm thiện, “tư” quy tụ các tâm sở thiện: tín, niệm, tà, quý...
- Nếu tâm bất thiện, “tư” quy tụ các tâm sở bất thiện: si, vô tà, vô quý, trạo cử...
- Nếu ý nghiệp bất động, “tư” quy tụ các thiên chi: tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm.
- Đến 4 đạo, 4 quả, Niết-bàn, tư dần dần mất tác dụng, được tuệ thay thế.

Do tư tâm sở chi phối mà hành biến thành hành uẩn. Được tuệ thay thế thì tất cả đều thanh lương, trong sáng; các trạng thái tâm lý đều trở thành cái dụng của tâm và trí để sống cao đẹp, thanh bình và giải thoát giữa cuộc đời. Ví dụ: tín, niệm, từ, bi, hỷ, xả...

4.2- Hành uẩn có thể đoạn tận:

- Khi hành uẩn biểu hiện ra ngoài qua thân, khẩu thì ta dùng chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng để đối trị. Khi hành uẩn khởi động trong tâm thì đối trị bằng chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Khi hành uẩn đã lắng dịu, hoạt động vi tế hơn qua thân tâm, lúc đó cần phải có trí tuệ (paññā) chánh kiến (sammā diṭṭhi), chánh tư duy (sammā saṅkappa) mới hóa giải và đoạn tận được sự tạo tác của hành uẩn .

5. Thức (viññāṇa)

Là nhận thức, nhận biết đối tượng. Thức (viññāṇa) là tên gọi khác của tâm (citta) hay ý (mana).

5.1- Thức như thực:

- Lúc sự nhận biết ấy còn trong sáng, chưa bị kinh nghiệm, thành kiến, bản ngã xen vào thì thức ấy là thức như thực. Nó nắm bắt đối tượng nguyên trạng do mắt, tai, mũi, lưỡi, thân trao qua mà chưa xử lý.

- Thức bao hàm tất cả tâm sở, nó đóng vai trò quán xuyên tất cả tâm sở, chi phối sắc, thọ, tưởng, hành.

- Ngũ căn tiếp nhận đối tượng là một biểu hiện đơn giản nhất của thức (mắt gặp sắc thì sinh ra nhãn thức, tai tiếp xúc âm thanh sinh ra nhĩ thức....)

- Thức còn thực hiện một chức năng vô cùng quan trọng đó là sao chép kinh nghiệm để đưa vào lưu trữ ở kho tàng thức.

5.2- Thức uẩn:

- Nếu thức bị sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn chi phối thì thức ấy sẽ biến thành thức uẩn.

5.3- Thức uẩn có thể đoạn tận:

- Chỉ cần đoạn tận các uẩn chi phối thức (rối ren, chất chồng của thức)

- Nếu thức không bị các uẩn chi phối - nghĩa là do như lý tác ý dẫn dắt thì thức ấy biến thành kiến, văn, giác, tri như thực (tức là thấy, nghe, biết như thật); là thành chánh tri kiến.

Đến đây, chúng ta đã có cơ sở để xác định rằng, có sắc, thọ, tưởng, hành, thức như thực, là thế giới đang còn trong sáng, Abhidhamma gọi là paramatha (chân đế hay đệ nhất nghĩa), Duy Thức gọi là Viên thành thực. Và có sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn là do bị tham sân si chi phối, lý trí, tình cảm chủ quan chen vào nên bóp méo cái thực ở trên để biến chúng thành uẩn; Abhidhamma gọi thế giới này là paññatti (khái niệm), còn Duy Thức gọi là biến kế sở

chấp.

Thời Phật, người nào thấy cái thực nguyên sơ, trong sáng ban đầu ấy, chưa bị vấy nhiễm bởi biến kế sở chấp – thì người ấy, ngay tại chỗ ấy liền được giải thoát, đắc quả A-la-hán. Tiêu biểu nhất là bài kinh trong Tiểu bộ kinh, Bāhiya sutta; tôi tóm tắt như sau: Lúc ấy, đức Phật rời khỏi tịnh xá Kỳ Viên (Jetavana) đi trì bình khất thực tại Xá Vệ (Sāvatti) thì có một vị bà-la-môn đã già, tên là Bāhiya Dārācivā, đi tìm kiếm ngài để hỏi pháp. Khi ấy, đức Phật đang ôm bát đi vào giữa các xóm nhà thì Bāhiya Dārācivā đến gần bên, cúi đầu xuống chân ngài:

- Bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con, Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc an lạc lâu dài.

- Nay là không phải thời, này Bāhiya! Ông không thấy là Như Lai đang đi trì bình khất thực đó sao?

- Con thấy, bạch Thế Tôn! Nhưng mạng sống của đức Thiện Thệ và mạng sống của chính con không biết là nó sẽ xảy ra lúc nào. Bởi vậy, mong Thế Tôn thuyết pháp cho con nghe.

Như thế, đức Phật đã từ chối lần thứ hai, lần thứ ba, sau đó, ngài đã thuyết ngắn gọn tinh yếu của giáo lý thoát khổ như sau:

“- Vậy này Bāhiya! Ông cần phải học tập như sau: Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri. Như vậy, này Bāhiya! Nếu trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng; trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri – thì không có ông ở trong ấy, ông không là chỗ ấy (ý nói không có bản ngã của ông ở trong ấy, ví dụ khi một cảm thọ đau thì chỉ là một cảm thọ đau chứ không có cái

gọi là “tôi đau” ở trong đó)! Do vậy, này Bāhiya! Ông không là đời này, ông không là đời sau, ông không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau”.

Nhờ lời thuyết pháp tóm tắt này của Thế Tôn, tâm của Bāhiya Dāruciriya được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Đức Phật rời chân không bao lâu, thì nghe tin có một con bò điên đã húc chết lão bà-la-môn già, ngài bảo với chư vị tỳ-khưu:

- Này các thầy tỳ-khưu! Hãy đến đây, lấy thân xác Bāhiya Dāruciriya, đặt lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, rồi xây tháp lên trên. Lão bà-la-môn kia là một vị đồng phạm hạnh với các thầy đã qua đời!

Đức Phật tuyên bố Bāhiya Dāruciriya đã nhập Niết-bàn!

Đọc đoạn kinh văn trên, chúng ta thấy rằng:

- Trong cái thấy, chỉ là cái thấy. Đây là cái thấy nguyên sơ, trong sáng... (sắc như thực, paramattha), không có uẩn.

- Trong cái nghe, chỉ là cái nghe. Đây là cái nghe nguyên sơ, trong sáng, thuần khiết.

Và các cảm quan kia cũng đều như vậy... không có uẩn, năm uẩn đều không, chúng là tên gọi khác của chánh kiến. Đây là chánh kiến vô lậu, không có sanh y (tức không nương vào bất cứ thứ gì để sinh khởi), tên gọi khác của chánh trí, giải thoát, giác ngộ, Niết-bàn.